TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:531/2023/DS-PT
Ngày: 28/4/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Kim

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 281/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 510/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2461/2023/QĐ-PT ngày 08/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đăng P, sinh năm: 1977. (có mặt)

Địa chỉ: TĐ, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Vũ Đăng P: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: đường , phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh-Hợp đồng ủy quyền số: 002605, quyển số: 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26 tháng 4 năm 2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Hữu Q-Luật sư Công ty Luật TNHH MTV SGBT thuộc Đoàn luật sư NT. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1973.(có mặt)

Địa chỉ: đường VVK, phường CK, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh T: Bà Mang Thị Hồng TR, sinh năm: 1994. (có mặt)

Địa chỉ: đường số NA, khu đô thị VP, phường HBP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh - Giấy ủy quyền số: 016821, quyển số: 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị Thanh T: Ông Phạm Văn V, sinh năm: 1971-Luật sư Văn phòng luật sư CD; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

Địa chỉ: đường số NA, Khu đô thị VP, phường HBP, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Viết KH, sinh năm: 1987;(có mặt, tuyên án vắng mặt)

Địa chỉ: Chung cư GV, Phường NA, Quận TA, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2.Công ty Cổ phần phát triển Nhà và Đô thị PQ.(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu tổ hợp du dịch SR, tổ NA ấp ĐB, xã DT, huyện PQ, tỉnh KG.

3.3.Bà Ngô Hà Yến THA, sinh năm: 1981.(vắng mặt)

Địa chỉ: khu căn hộ GV, đường TQB, Phường NA, Quận TA, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4.Ông Nguyễn Đức VA, sinh năm: 1977;(có mặt)

Địa chỉ: đường NCT, phường NCT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 6 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng đại diện nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nên khi có khách hàng cần tiền đáo hạn ngân hàng hoặc vay tiền thì bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T liên hệ với nguyên đơn ông P để lấy tiền cho khách vay rồi ông P nhận lại tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Bà T đã nhiều lần nhận của ông P với tổng số tiền là 22.500.000.000 đồng, mức lãi các bên thỏa thuận từ 3% đến 3.5%/tháng, cụ thể: Ngày 06 tháng 01 năm 2017, bà T thừa nhận đã nhận của ông P 11 lần, với số tiền là 6.900.000.000 đồng; ngày 23 tháng 6 năm 2017, bà T nhận 7.500.000.000 đồng để đáo hạn cho khách tên Trần Văn B; ngày 28 tháng 6 năm 2017, bà T nhận 4.000.000.000 đồng để đáo hạn cho khách tên Nguyễn Thành TA; ngày 04 tháng 4 năm 2017, bà T nhận 4.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền của ông P, bà T không trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận.

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2019, ông P yêu cầu bà T trả số tiền 26.248.500.000 đồng (bao gồm: Nợ gốc

22.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019 là 3.748.500.000 đồng, lãi suất áp dụng là 1,666%/tháng).

Trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 6 năm 2019, ông P yêu cầu bà T trả số tiền 17.988.000.000 đồng (bao gồm: Nợ gốc 15.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 là 2.988.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 1,666%/tháng). Đây là khoản tiền bà T vay của ông P để bà T cho khách của bà T vay và thế chấp căn nhà tại đường TP, Quận NA, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 03 tháng theo giấy cam kết ngày 30 tháng 12 năm 2018 nhưng bà T sử dụng vào mục đích khác, ông P nhiều lần yêu cầu bà T trả lại nhưng bà T chưa trả lại cho ông P.

** Quá trình tham gia tố tụng đại diện bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:*

Bà T thừa nhận có nhận của ông P số tiền 37.500.000.000 đồng để cho khách là ông Nguyễn Viết KH vay. Mỗi lần có khách vay bà T đều báo cho ông P biết, khi ông P đồng ý cho khách vay thì bà T mới lấy tiền của ông P cho khách vay, còn bà T không vay tiền của ông P. Bà T đề nghị ông P tính lại mức lãi áp dụng từ 3% đến 4%/tháng là không đúng quy định pháp luật. Ông P đã viết giấy đồng ý nhận tài sản của khách trừ nợ nay khách trả tài sản đề nghị ông P nhận tài sản của khách để giải tỏa tài sản cho bà T đã bị phong tỏa. Về yêu cầu khởi kiện của ông P, bà T không đồng ý, ngoài ra bà không có ý kiến nào khác.

** Quá trình tham gia tố tụng theo bản tự khai và bản tường trình ngày 13 tháng 11 năm 2019; bản tường trình ngày 19 tháng 11 năm 2019 ông Nguyễn Viết KH trình bày:*

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, bà T có nói với ông KH là bà T có lấy của ông P số tiền 37,5 tỷ đồng để làm ăn nhưng chưa trả được cho ông P. Khi ông P khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân Quận M, bà T có nhờ ông KH đứng ra nhận nợ thay bà T số tiền trên, bà T sẽ giải quyết với ông P bằng cách tìm tài sản nào đó sang tên cho ông KH để cấn trừ nợ với ông P. Do chỗ quen biết nên ông KH đã đồng ý đứng ra nhận thay cho bà T số tiền nợ trên. Sau đấy, bà T có yêu cầu ông KH ký văn bản ủy quyền cho luật sư thay mặt ông KH để làm việc tại Tòa án. Ngày 25 tháng 4 năm 2019, ông KH đến Văn phòng công chứng Hoàng Xuân Ngụ ký giấy ủy quyền do bà T soạn sẵn và sau này ông KH mới biết người được ông ủy quyền tên là Phùng Thị Ngọc H. Ngày 11 tháng 11 năm 2019, ông P gặp, trao đổi với ông KH việc ông KH vay tiền của bà T để bà T hoàn trả lại số tiền trên cho ông P. Sau khi làm việc tại tòa, qua bản tự khai, đơn yêu cầu của bà Phùng Thị Ngọc H thì ông KH khẳng định ông nhận lời bà T đứng ra nhận nợ thay bà T số tiền bà T đã lấy của ông P, còn sự thật ông KH không vay tiền của bà T.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, bà T hẹn ông KH đến nhà bà T để ông KH ký văn bản chấm dứt ủy quyền cho bà Phùng Thị Ngọc H. Đồng thời, ký hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng PHđể thay ông KH đến Tòa án nhân dân Quận M rút lại tài

sản là quyền sử dụng đất là 02 thửa đất số 4 và số 5, tờ bản đồ số 121 tại xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp mà bà T đưa vào để kê biên, phong tỏa đảm bảo thi hành án, nhằm giải tỏa các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng phong tỏa tài sản của bà T vì bà T không phải là người vay tiền của ông P.

Ông KH nhận thấy việc ông nhận nợ thay bà T là không đúng pháp luật, không đúng đạo lý. Ông P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 37,5 tỷ đồng không liên quan gì đến ông KH, ông KH không biết bà Phùng Thị Ngọc H, ông Nguyễn Hồng PHlà ai, việc ông KH ủy quyền cho bà Huyền, ông Phú tham gia vụ án là do bà T sắp xếp, ngụy tạo. Hiện ông KH không ủy quyền cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào nhân danh ông KH tham gia vụ án, bởi ông KH không có quyền, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

** Quá trình tham gia tố tụng tại bản tường trình ngày 19 tháng 11 năm 2019 bà Ngô Hà Yến THA trình bày:*

Do quen biết nên bà T có nhờ bà THA đứng tên dùm để mua chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu Landrover, màu đen, biển số: 51F-868.68, số máy: 0033950448DT của ông VA, bà T theo hợp đồng mua bán xe ô tô số công chứng: 011663, quyển số: 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05 tháng 4 năm 2019 tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân Ngụ. Khi bà T phát hiện ông P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận M áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa tài sản là xe ô tô con trên, do bà T thiếu tiền của ông P vì bà T sợ bị mất tài sản nên khi bà T nhờ thì bà THA nghĩ đơn giản nên đồng ý giúp bà T. Sau khi ký hợp đồng mua bán xe, bà T phát hiện xe trên đã bị Tòa án phong tỏa không thể sang tên được nên bà T lại hướng dẫn bà THA tiếp tục ký giấy ủy quyền cho bà Phùng Thị Ngọc H đại diện bà THA tham gia vụ án tranh chấp tại tòa.

Do vụ việc quá phức tạp nên bà THA đã yêu cầu bà T rút bà THA ra khỏi vụ án và bà T đã yêu cầu bà THA đến phòng Công chứng để hủy hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 05 tháng 4 năm 2019. Đồng thời, trước khi hợp đồng mua bán xe ô tô tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân Ngụ bà T đề nghị bà THA ký vào hợp đồng mua bán xe trên do bà T soạn sẵn, hợp đồng này là không có thật do bà T ngụy tạo. Bà THA cam đoan việc tranh chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Landrover, màu đen, biển số: 51F-868.68 là của bà T và ông P liên quan đến việc Tòa án giải quyết vụ án; giấy ủy quyền của bà THA cho bà Phùng Thị Ngọc H chấm dứt từ ngày 19 tháng 11 năm 2019, cam kết trình bày đúng sự thật, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

** Quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Đức VA có đơn xin vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày:*

Năm 2006 ông VA và bà T kết hôn đến năm 2018 thì ly hôn. Xe ô tô con, nhãn hiệu Landrover, màu đen, biển số: 51F-868.68, số máy: 0033950448DT là tài sản chung của ông VA, bà T trong thời kỳ hôn nhân. Khi ly hôn ông VA, bà T thống nhất giao xe trên cho bà T quản lý, sử dụng. Trước đó, ngày 05 tháng 4 năm 2019, ông VA,

bà T ký hợp đồng bán xe trên cho bà Ngô Hà Yến THA. Ngày 08 tháng 9 năm 2016, ông VA có nhận giùm ông KH số tiền vay của ông P là 1.900.000.000 đồng, đây là tiền ông P cho ông KH vay 2.000.000.000 đồng nhưng được trừ trước 01 tháng tiền lãi, tiền dịch vụ nên ông KH chỉ nhận được 1.900.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 9 năm 2019, ông VA tiếp tục nhận giùm ông KH số tiền vay của ông P là 700.000.000 đồng nhưng bị trừ trước 01 tháng tiền lãi là 21.000.000 đồng, tiền dịch vụ 14.000.000 đồng nên số tiền còn lại ông VA đã giao lại cho ông KH. Ông VA không có tranh chấp với bà THA, bà T, ông KH hay ông P nên ông VA xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

** Quá trình tham gia tố tụng, Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị PQ có văn bản trình bày:*

Do yêu cầu công việc nên Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị PQ không sắp xếp được nhân sự tham gia vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông P và bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, Công ty cổ phần phát triển nhà và đô thị PQ xin được vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận M hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông K đại diện của ông P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T trả cho ông P số tiền 37.500.000.000 đồng; tiền lãi tạm tính từ tháng 5 năm 2019 đến ngày 17 tháng 8 năm 2022 là 31.700.470.000 đồng, lãi suất áp dụng là 1,666%/tháng. Ngoài ra, ông K xin được hoãn phiên tòa do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông P vắng mặt.

Bà TR đại diện của bà T có ý kiến, bà T đã nhận của ông P số tiền 34.144.264.000 đồng không phải là 37.500.000.000 đồng như ông P trình bày. Trên thực tế bà T đã chuyển trả cho ông P số tiền 60.506.677.000 đồng, về yêu cầu đòi tiền lãi bà không có ý kiến.

Ông VA giữ nguyên ý kiến đã trình bày, nhưng có ý kiến bổ sung yêu cầu giải quyết quyền lợi của ông đối với hai Ô đất loại công trình biệt thự nghỉ dưỡng tại khu du lịch nghỉ dưỡng Thanh Dương thuộc khu du lịch Nam Bãi Trường tại xã DT, huyện PQ, tỉnh KG đã bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Đồng thời, ông VA cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là luật sư V đề nghị thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và cho rằng Thẩm phán không vô tư khách quan khi giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 281/2022/ ST-DS ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đăng P buộc bà Huỳnh Thị Thanh T trả cho ông Vũ Đăng P tiền nợ gốc là 37.500.000.000đ (ba mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đăng P buộc bà Huỳnh Thị Thanh T trả cho ông Vũ Đăng P tiền lãi phát sinh trên tiền nợ gốc là 37.500.000.000đ (ba mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng) tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 17 tháng 8 năm 2022 là 13.549.750.000đ (mười ba tỷ, năm trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 22/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số: 1931/2019/QĐ-SCBSQĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận M.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 159.049.750đ (một trăm năm mươi chín triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng). Ông Vũ Đăng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 126.150.720đ (một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn, bảy trăm hai mươi đồng). Hoàn lại cho ông Vũ Đăng P số tiền tạm ứng án phí 59.151.500đ (năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0023031 ngày 22 tháng 5 năm 2018 và số tiền 20.480.685đ (hai mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007649 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi bản án tuyên, nguyên đơn ông Vũ Đăng P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu chấp nhận số tiền lãi.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T trình bày kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm vì lý do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, của ông Nguyễn Đức VA.

-Nguyên đơn ông Vũ Đăng P và luật sư bảo vệ cho ông Phúc trình bày kháng cáo: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

-Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đức VA đồng ý với ý kiến của bà T, vì cho rằng số nợ là của cá nhân bà T, nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện

pháp khẩn cấp tạm thời là có liên quan đến tài sản chung của ông và bà T. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

-Các đương sự khác còn lại không có ý kiến gì về bản án sơ thẩm đã tuyên, không có kháng cáo.

-Các đương sự không đồng ý thỏa thuận với nhau tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

- Do Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm số 281/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] .Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Đăng P và bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T được nộp và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định, nên căn cứ tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng:

-Nguyên đơn ông Vũ Đăng P và bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T kháng cáo có mặt.

-Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên xét xử vắng mặt theo Điều 227,Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

Sau khi xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, yêu cầu kháng cáo và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của Viện kiểm sát, xét thấy:

[2.1].Tại phiên tòa phúc thẩm:

[2.1.1].Nguyên đơn ông Vũ Đăng Phúc và luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn kháng cáo: Đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu, đồng thời cần thiết thì chuyển hồ sơ sang Cơ quan công an Thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ hành vi của bị đơn cũng như những người cùng có liên quan.

Cụ thể: Đối với phần tiền lãi, đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu: Nợ gốc 22.500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019 là 3.748.500.000 đồng, lãi suất áp dụng là 1,666%/tháng. Nợ gốc 15.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019 là 2.988.000.000 đồng, lãi suất áp dụng là 1,666%/tháng. Tiếp tục tính lãi theo quy định đến khi trả hết số nợ.

[2.1.2].Bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T cùng luật sư bảo vệ quyền lợi của bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm lý do:

Phán quyết trong bản án không phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, xác định đây là hợp đồng hợp tác làm ăn, không phải hợp đồng vay. Cụ thể, toàn bộ số tiền mà ông Phúc đi kiện là không phải số tiền vay mà là hai bên cùng thỏa thuận hợp tác, bà T góp công vào công việc cùng nhau hưởng lợi. Thực tế số tiền bà T nhận là 34.144.264.000 đồng, bị đơn đã cung cấp chứng cứ nhưng cấp sơ thẩm không xem xét. Số tiền bà T đã chuyển giao cho nguyên đơn đến 60.506.677.000 đồng. Toàn bộ số tiền này có in ra từ lịch sử giao dịch tài khoản Ngân hàng của ông Phúc nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét để cho đối chất cấn trừ. Giữa hai bên cũng chưa được cấp sơ thẩm cho đối chất để làm rõ về bản chất số nợ, quá trình hợp tác, số tiền chuyển giao qua lại giữa hai bên. Vì trong số tiền chuyển giao cho ông Phúc thì gồm tiền vốn, tiền lãi, nhưng cấp sơ thẩm không cho đối chất để xác định vốn, lãi để giải quyết cho đúng. Ngòai ra, tại bản án sơ thẩm có sử dụng nguồn chứng cứ là các tài liệu được thu thập từ cơ quan Công an để làm căn cứ tuyên buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ. Nhưng tài liệu, chứng cứ này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc công khai chứng cứ, phía bị đơn không nắm rõ. Như vậy là vi phạm thủ tục tố tụng vì điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Bị đơn xuất trình toàn bộ chứng cứ là các giấy xác nhận lịch sử giao dịch từ tài khoản của ông Phúc tại Ngân hàng mà hai bên giao dịch, số tiền bà T cho rằng chỉ nhận từ ông Phúc là 34.144.264.000 đồng, và số tiền bà đã giao cho ông Phúc là 60.506.677.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn cũng xác định, sau khi sửa chữa thiết bị liên lạc giữa hai bên thì bị đơn xác định số tiền mà hai bên giao dịch, đến tại thời điểm xét xử ông Phúc chuyển cho bà T là 33.900.000.000 đồng và số tiền bà T chuyển cho ông Phúc đến nay là 70.468.077.000 đồng.

-Bà T cho rằng đây là hợp đồng hợp tác cùng làm ăn, bà góp công sức, bên ông Phúc có tài sản, đôi bên cùng hưởng lợi, nên khi có lợi nhuận thì cùng chia, có rủi ro thì phải cùng gánh chịu. Bà T không đồng ý một mình nhận hết thiệt hại. Hơn nữa số tiền lãi cũng chuyển cho ông Phúc quá nhiều. Do đó bà T không đồng ý đây là hợp đồng vay và buộc trách nhiệm trả vốn, lãi như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xem xét lại toàn bộ chứng cứ cung cấp tại Tòa án phúc thẩm.

[2.1.3].Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức VA đồng ý lời trình bày của bà T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án sơ thẩm ban hành, vì ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, tài sản bị áp dụng khẩn cấp tạm thời vẫn là tài sản chung của ông và bà T, nhưng cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của ông.

[2.1.4].Phía nguyên đơn không đồng ý và phủ nhận toàn bộ tài liệu mà bị đơn cung cấp vì cho rằng, các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở xác định số nợ. Bác bỏ lời khai cũng như chứng cứ mà bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm.

Đồng thời cũng đề nghị xem xét về trách nhiệm, nghĩa vụ của ông VA đối với số nợ của bà T.

[2.2].Qua toàn bộ lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa cùng chứng cứ thể hiện: Ông Phúc khởi kiện bà T về việc vay tiền, quá trình giao dịch từ rất lâu, bắt đầu từ năm 2012 đến khi tranh chấp năm 2018, hai bên đều không lập bất kỳ văn bản hay hợp đồng nào để thể hiện sự thỏa thuận về việc vay mượn, về tiền vốn, tiền lãi, thời hạn trả, mục đích giao, nhận tiền…Quá trình giao dịch diễn ra trong thời gian dài, thực hiện rất nhiều lần, số tiền chuyển giao qua lại rất lớn, khi chuyển và nhận tiền tất cả đều không lập văn bản mà dựa trên sự tin tưởng với nhau, hình thức giao dịch cũng chỉ bằng tin nhắn điện thoại.

-Để chứng minh, mỗi bên đều nộp rất nhiều tài liệu thể hiện bằng tin nhắn điện thoại khi giao dịch với nhau và các tin nhắn này là cơ sở duy nhất làm bằng chứng chứng minh số tiền giao nhận qua lại, số nợ tồn, nhưng các chứng cứ này chưa được làm rõ ở cấp sơ thẩm.

-Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có sử dụng tài liệu thu thập từ cơ quan Công an làm căn cứ giải quyết nhưng chưa qua thủ tục công khai chứng cứ, đây cũng là thiếu sót.

-Do có quá nhiều các tài liệu chứng cứ mà bị đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm, trong đó có những tài liệu đã nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án (có biên nhận khi giao nộp chứng cứ BL số 251) nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét công khai chứng cứ và làm rõ, cũng có tài liệu mà bị đơn vừa mới xuất trình. Tất cả các tài liệu chứng cứ này xét thấy đều liên quan đến vụ án, cần phải qua thủ tục công khai chứng cứ, đồng thời cũng cần đối chất nhằm làm rõ vấn đề, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng là giải quyết đúng bản chất sự việc, có như vậy mới đảm bảo toàn diện quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Do cấp phúc thẩm không thể thực hiện khắc phục được điều này nên cần phải hủy bản án sơ thẩm.

-Đối với tiền lãi và lãi suất và mà nguyên đơn yêu cầu, xét thấy hiện vẫn không xác định rõ lãi suất mà các bên thỏa thuận mỗi khi giao dịch. Từng lần giao, nhận tiền chỉ thông qua tin nhắn điện thoại và sự thừa nhận hiện tại của hai bên. Nguyên đơn, bị đơn xác nhận lãi suất được tính dựa trên mức lãi suất mà khách hàng vay tiền. Ông Phúc cũng thừa nhận có nhận lãi từ bà T đưa, mức lãi mỗi lần cũng khác nhau. Nhưng đến nay số tiền lãi thật sự đã giao và nhận trên số vốn hai bên vẫn chưa chốt lại được như đã nhận định phần trên. Nên chưa có căn cứ xem xét yêu cầu tính lãi cho ông Phúc, cũng là để đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên.

Nguyên đơn còn kháng cáo đề nghị được chuyển hồ sơ sang cơ quan Công an, một mặt lại đề nghị Tòa án giải quyết toàn bộ vụ án. Căn cứ theo quy định pháp luật, điều này là không thể thực hiện cùng lúc như nguyên đơn yêu cầu, nên không được chấp nhận.

-Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, theo lời trình bày của người có tài sản bị áp dụng là bà T và ông VA thì hiện nay quyền lợi của họ bị ảnh hưởng. Xét thấy đối với tài sản bị áp dụng này có liên quan như thế nào đối với ông Nguyễn Đức VA, cũng như ông VA là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đối với số nợ mà ông Phúc khởi kiện bà T.

Ông VA cho rằng có khiếu nại tại Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng không được giải quyết. Do đó, điều này cũng cần phải được xem xét rõ khi giải quyết lại vụ án.

-Tại phiên tòa bị đơn và luật sư cho rằng việc lợi nhuận đôi bên cùng hưởng, nhưng khi rủi ro thì nguyên đơn buộc bị đơn tự gánh chịu nên bị đơn không đồng ý, vì vậy không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, vì số nợ chưa xác định và tài sản này còn có liên quan đến ông Nguyễn Đức VA nên đề nghị Tòa án xem xét.

-Xét thấy, như nhận định trên, do chưa xác định và làm rõ bản chất của giao dịch, trách nhiệm hậu quả pháp lý của các bên như thế nào, cũng chưa đối chất làm rõ các tài liệu để chốt số nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phúc cũng đề nghị xem xét về nghĩa vụ, trách nhiệm của ông VA để đảm bảo việc thanh toán số nợ. Yêu cầu này cũng là quyền lợi của ông Phúc nhưng vượt quá phạm vi kháng cáo của đương sự. Vì vậy, khi giải quyết lại vụ án cần phải làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của từng đương sự để giải quyết đúng đắn vụ án cũng là nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

-Căn cứ vào lời trình bày, yêu cầu của đương sự, các chứng cứ mới được xuất trình tại phiên tòa này nên được xem là tình tiết mới của vụ án.

[2.3].Từ những nhận định trên, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

3.Án phí dân sự phúc thẩm:

Do hủy án nên ông Phúc và bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các đương sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 313,148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Đăng P.

2.Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T.

-Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 281/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Giao hồ sơ thụ lý số 619/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3.Án phí dân sự phúc thẩm:

-Hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà T là 300.000 đồng mà bà T nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006238 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Phúc là 300.000 đồng mà ông Phúc nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/6277 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối Cao;
-Tòa án nhân dân Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận M;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim